베트남 PQC 기업 맞춤형 과정 참여신청서

Đơn đăng ký tham gia chương trình đào tạo PQC (quản lý chất lượng sản xuất)

cho các doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 성명  Họ tên |  | | 성별  Giới tính | 남 Nam¨ , 여 Nữ¨ | |
| 베트남 연락처  (핸드폰)  Số điện thoại liện lạc ở Việt Nam  (Di động) |  | | 베트남 실제 거주지 주소  Địa chỉ thực tế ở Việt Nam |  | |
| Tài khoản Zalo |  | | Tài khoản Kakaotalk |  | |
| 베트남 귀국일자  Ngày về nước |  | | 메일주소  Địa chỉ email |  | |
| 한국 내  근무이력  Nơi làm việc tại Hàn Quốc | (회사명) :  (Tên công ty) :  (근무부서명) :  (Tên bộ phận làm việc) :  (전화) :  (Điện thoại) :  (FAX) :  (FAX) : | | 기업규모별 Quy mô công ty (명, người)  : 10이하 Dưới 10 ( ) 11～30( )  31～50( ) 51이상 Trên 51 ( ) | | |
| 외국인근로자  현장업무내용(구체적)  Công việc cụ thể của người lao động (Cụ thể) | |  |
| 최종학력  Học vấn cuối cùng | 초졸¨ , 중졸¨ , 고졸¨ , 전문대졸¨ , 대학졸¨ , 대학원졸¨  Tốt nghiệp tiểu học¨ , tốt nghiệp trung học cơ sở¨ , tốt nghiệp trung học phổ thông¨ , tốt nghiệp trung cấp¨ , tốt nghiệp đại học¨ , tốt nghiệp cao học¨ | | | | |
| 한국어능력시험(TOPIK)  취득 급수  Trình độ TOPIK |  | | 시험일자/  수험번호  Ngày thi/số báo danh |  | |
| 기타 한국어  과정 수료  Những nơi đã hoàn thành khóa học tiếng Hàn | \*귀국예정자 재정착지원 교육·훈련 한국어 자격 취득과정을 포함한, 외국인노동자 지원센터, 지자체 등 한국에서 받은 한국어 교육 수강 경험 기재  Ghi tất cả những kinh nghiệm trong quá trình đã học và được đào tạo dành cho người dự kiến về nước để lấy chứng chỉ Tiếng Hàn và học Tiếng Hàn tại các trung tâm hỗ trợ lao động nước ngoài hoặc các trung tâm địa phương. v.v... | | | | |
| 한국어능력  Năng lực tiếng Hàn | 상  Giỏi | 중  Trung bình | | 하  Thấp | |
|  |  | |  | |

**※ 훈련 참여희망자 POOL에 포함되더라도 위탁훈련기관의 선정과정에 따라 최종 훈련생으로 선발되지 않을 수 있으며, 훈련참여로 참여기업 취업이 보장되는 것은 아님 Ngay cả khi được đưa vào danh sách ứng viên muốn tham gia, thì có thể không được chọn vào danh sách được đào tạo, vì tùy thuộc vào quy trình tuyển chọn. Và việc tham gia đào tạo không đảm bảo 100% được vào làm việc tại các công ty Hàn Quốc tại Việt Nam (vì tùy thuộc vào năng lực của học viên)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **< 개인정보 수집 및 이용동의 >Đồng ý cung cấp và sử dụng thông tin cá nhân** | | |
| ▸ 본인은 한국산업인력공단, 한국능력개발직업전문학교의 베트남 PQC 현지기업 맞춤형 직업훈련과 관련하여, 「개인정보보호법」 제15조, 제17조, 제23조, 제24조에 따라 아래와 같이 본인 개인정보의 수집·이용·제공에 동의합니다. Tôi đồng ý cung cấp thông tin cá nhân sử dụng của mình như sau, theo “luật bảo vệ thông tin cá nhân” số 15, số 17, số 23, số 24 liên quan đến chương trình đào tạo PQC ( quản lý chất lượng sản xuất) cho các doanh nghiệp HQ tại Việt Nam của trường Korea HRD và Cơ quan phát triển nguồn nhân lực HQ. | | |
| 가. 수집·이용·제공 목적  Mục đích cung cấp thông tin sử dụng | ▸한국산업인력공단, 한국능력개발직업전문학교의 직업훈련 및 취업지원 등에 필요한 연락수단의 최소 정보 수집과 이용  Thu thập thông tin là để sử dụng cho hoạt động chương trình này của Cơ quan phát triển nguồn nhân lực HQ và trường Korea HRD | 개인정보 활용에 동의하십니까?  Anh/ chị có đồng ý sử dụng thông tin của mình không?  □ 개인정보 활용에 동의합니다.  □ Tôi đồng ý sử dụng thông tin cá nhân của mình.  □개인정보 활용에 동의하지 않습니다.  □ Tôi không đồng ý sử dụng thông tin cá nhân của mình. |
| 나. 수집·이용·제공하는 개인정보의 항목 Những thông tin cá nhân cần phải cung cấp. | ▸신청서상에 기재하는 성명, 성별, 외국인등록번호, 전화번호, 주소, 최종학력 등  Tên , giới tính, số chứng minh người nước ngoài, số điện thoại, địa chỉ, học vấn cao nhất |
| 다. 개인정보의 보유 및 이용·제공기간Thời gian bảo lưu , sử dụng thông tin cá nhân | ▸본 신청서가 작성된 때로부터 파기를 요청할 때까지 보유  Từ khi đăng ký đơn này cho đến khi hủy bỏ. |
| 라. 수집 된 개인정보의 파기에 관한 사항 Điều khoản hủy bỏ thông tin cá nhân đã cung cấp. | ▸개인정보의 처리 및 보유기간 경과 시 보유문서 파기  Sử lý thông tin cá nhân và xóa bỏ khi thời hạn bảo lưu quá hạn. |
| 마. 동의를 거부할 권리와 거부에 따른 불이익 Quyền từ chối cung cấp thông tin cá nhân vì bất lợi . | ▸본 훈련 참가신청을 위하여 개인정보를 제공하는 자는 개인정보의 수집에 대하여 거부할 권리를 보유하고 있으며, 거부할 경우 훈련참여 등이 제한됩니다.  Các ứng viên có quyền từ chối cung cấp thông tin cá nhân của mình, nhưng từ chối cung cấp thông tin cá nhân của mình thì đồng nghĩa là sẽ không được tham gia chương trình này. |

위와 같이 베트남 현지 맞춤형 직업훈련 참여를 신청합니다.

년(Ngày) 월(tháng) 일(năm)

신청인(Người đăng ký) (서명, Ký tên)